

CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo: Quản trị nhân lực
Chuyên ngành đào tạo: Quản trị nhân lực

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 934/QĐ-ĐHTM ngày 18 tháng 06 năm 2021 của Trường Đại học Thương mại)

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

- Tên chương trình đào tạo (Tiếng Việt): **Thạc sĩ Quản trị nhân lực**
- Tên chương trình đào tạo (Tiếng Anh): **Master of Human Resource Management**
- Trình độ đào tạo: **Thạc sĩ**
- Định hướng: **Ứng dụng**
- Ngành đào tạo: **Quản trị nhân lực** Mã ngành: **8340404**
- Chuyên ngành: **Quản trị nhân lực**

2. Mục tiêu của chương trình

Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành quản trị nhân lực định hướng ứng dụng đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, tác phong chuyên nghiệp; có kiến thức cập nhật, nâng cao về quản trị - quản lý và kiến thức toàn diện, chuyên sâu về quản trị nhân lực; có kỹ năng thực hành quản trị nhân lực thành thạo; có khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo trong việc ứng dụng quy trình quản lý; có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thực tiễn thuộc lĩnh vực quản lý lao động và quản trị nhân lực. Đồng thời có thể học bổ sung một số kiến thức ngành và phương pháp nghiên cứu theo yêu cầu của ngành đào tạo để tiếp tục học và nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ.

3. Yêu cầu về kiến thức

- Có tư duy phản biện, vận dụng tốt phương pháp luận nghiên cứu khoa học trong giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực quản trị nhân lực, quản lý lao động trên cơ sở nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản.

- Nắm vững và vận dụng kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến ngành quản trị nhân lực (quản trị nhân lực, quan hệ lao động, quản lý nhà nước về lao động, tiêu chuẩn lao động quốc tế, kinh tế nguồn nhân lực, quản trị thành tích, quản trị thực hành trách nhiệm xã hội...) và kiến thức liên ngành và kiến thức chung về quản trị - quản lý cập nhật, nâng cao.

4. Yêu cầu về kỹ năng

- Có năng lực thực hành tốt kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề về quản trị nhân lực, quản lý lao động một cách khoa học;

- Có năng lực thực hành tốt kỹ năng truyền đạt, phổ biến tri thức về quản trị nhân lực,

quản lý lao động dựa trên nghiên cứu, thảo luận ứng dụng các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và những người khác.

- Có năng lực thực hành tốt kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến (kỹ năng hoạch định, tổ chức triển khai, đánh giá chiến lược, chính sách, kế hoạch, dự án R&D trong việc thu hút, duy trì, phát triển và sử dụng nhân lực; kỹ năng đối thoại xã hội, thương lượng để tạo lập, duy trì, phát triển và giải quyết xung đột, tranh chấp, đình công trong quan hệ lao động của tổ chức, doanh nghiệp trong bối cảnh mới; tham mưu và ra quyết định trong việc xây dựng, tổ chức thực thi các công cụ quản lý nhà nước về lao động).

- Có năng lực thực hành tốt kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ thông tin một cách sáng tạo trong lĩnh vực quản trị nhân lực, quản lý lao động.

- Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

5. Yêu cầu về thái độ

- Có tư tưởng chính trị vững vàng, tự giác phấn đấu theo mục tiêu xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, làm việc theo hiến pháp và pháp luật;

- Có đạo đức nghề nghiệp vị xã hội, nhân bản, nhân văn, ý thức tổ chức kỷ luật lao động và tôn trọng nội quy, quy chế và khả năng thích nghi với môi trường học tập và làm việc; Có ý thức cộng đồng, trách nhiệm công dân;

- Có tác phong chuyên nghiệp, biết lắng nghe, có ý thức hợp tác làm việc; hăng say trong công việc, có tinh thần học hỏi, xây dựng và chia sẻ với tinh thần đồng đội

- Có bản lĩnh, sáng tạo, dám nghĩ dám làm và chịu được áp lực công việc.

- Có ý thức tự học tập, tự đào tạo, cập nhật kiến thức mới, ứng dụng những tiến bộ khoa học vào lĩnh vực quản trị nhân lực trong công việc đảm nhận.

6. Yêu cầu về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có năng lực nghiên cứu, đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia, những sáng kiến quan trọng để phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên môn quản trị nhân lực, quản lý lao động;

- Có khả năng thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác phát triển năng lực cá nhân với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao;

- Có năng lực quản lý, đánh giá, cải tiến và quyết định phương hướng phát triển để nâng cao hiệu quả hoạt động nghề nghiệp, chuyên môn.

7. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

7.1. Các vị trí công tác có khả năng làm việc phù hợp và tốt

- Chuyên viên, tư vấn viên, chuyên gia về quản trị nhân lực, quản lý lao động;

- Nhà lãnh đạo, nhà quản lý, nhà quản trị nhân lực, quản lý lao động và có liên quan ở các cấp;

- Cán bộ giảng dạy, nghiên cứu ứng dụng về quản trị nhân lực, quản lý lao động.

7.2. Các loại hình tổ chức, doanh nghiệp có cơ hội làm việc phù hợp

- Doanh nghiệp các ngành, lĩnh vực kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế, loại hình

sở hữu nhà nước, tư nhân, tập thể, vốn đầu tư nước ngoài...;

- Tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn và triển khai về quản trị nhân lực.
- Cơ quan Chính phủ, Bộ, Ngành trung ương; các cơ quan quản lý địa phương, tổ chức lực lượng vũ trang, tổ chức chính trị, xã hội, đoàn thể tại các bộ phận có chức năng, nhiệm vụ quản lý lao động, quản trị nhân lực và liên quan.

8. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Trên nền tảng các kiến thức, kỹ năng và các năng lực khác đã được trang bị, người học sau khi tốt nghiệp có khả năng:

- Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các kiến thức, tri thức và kỹ năng mới, cập nhật nhằm đáp ứng với yêu cầu của vị trí công tác và quy hoạch phát triển nhân lực ở đơn vị công tác cụ thể;

- Tiếp tục học liên thông ngang sang các ngành khác;

- Có khả năng tiếp tục học tập nâng cao ở trình độ Tiến sĩ theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

9. Các chương trình, chuẩn đầu ra quốc tế đã tham khảo

9.1. Trong nước

Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung trình độ Quốc gia”;

Chương trình đào tạo ngành Quản trị nhân lực trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng của trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

9.2. Ngoài nước

Program of Masters of Human Resource Management in Henley Business - Greenlands Campus (UK).

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
THƯƠNG MẠI

PGS.TS Nguyễn Hoàng

TRƯỞNG KHOA

PGS.TS Nguyễn Thị Minh Nhàn

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 93/QĐ-ĐHTM ngày 18 tháng 06 năm 2021
của Trường Đại học Thương mại)

Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt): Thạc sĩ Quản trị nhân lực
Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh): Master of Human Resource Management
Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
Định hướng: Ứng dụng
Ngành đào tạo: Quản trị nhân lực Mã ngành: 8340404
Chuyên ngành: Quản trị nhân lực

1. Mục tiêu đào tạo

Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành quản trị nhân lực định hướng ứng dụng đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, tác phong chuyên nghiệp; có kiến thức cập nhật, nâng cao về quản trị - quản lý và kiến thức toàn diện, chuyên sâu về quản trị nhân lực; có kỹ năng thực hành quản trị nhân lực thành thạo; có khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo trong việc ứng dụng quy trình quản lý; có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thực tiễn thuộc lĩnh vực quản lý lao động và quản trị nhân lực. Đồng thời có thể học bổ sung một số kiến thức ngành và phương pháp nghiên cứu theo yêu cầu của ngành đào tạo để tiếp tục học và nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ.

2. Chuẩn đầu ra

Học viên tốt nghiệp thạc sĩ Quản trị nhân lực định hướng ứng dụng, có khả năng vận dụng sáng tạo các kiến thức, quy trình quản trị nhân lực và quản lý lao động vào bối cảnh thực tế của tổ chức, doanh nghiệp. Cụ thể như sau:

2.1. Kiến thức

- Có tư duy phản biện, vận dụng tốt phương pháp luận nghiên cứu khoa học trong giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực quản trị nhân lực, quản lý lao động trên cơ sở nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản.

- Nắm vững và vận dụng kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến ngành quản trị nhân lực (quản trị nhân lực, quan hệ lao động, quản lý nhà nước về lao động, tiêu chuẩn lao động quốc tế, kinh tế nguồn nhân lực, quản trị thành tích, quản trị thực hành trách nhiệm xã hội...) và kiến thức liên ngành và kiến thức chung về quản trị - quản lý cập nhật, nâng cao.

2.2. Kỹ năng

- Có năng lực thực hành tốt kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề về quản trị nhân lực, quản lý lao động một cách khoa học;

- Có năng lực thực hành tốt kỹ năng truyền đạt, phổ biến tri thức về quản trị nhân lực,

quản lý lao động dựa trên nghiên cứu, thảo luận ứng dụng các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và những người khác.

- Có năng lực thực hành tốt kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến (kỹ năng hoạch định, tổ chức triển khai, đánh giá chiến lược, chính sách, kế hoạch, dự án R&D trong việc thu hút, duy trì, phát triển và sử dụng nhân lực; kỹ năng đối thoại xã hội, thương lượng để tạo lập, duy trì, phát triển và giải quyết xung đột, tranh chấp, đình công trong quan hệ lao động của tổ chức, doanh nghiệp trong bối cảnh mới; tham mưu và ra quyết định trong việc xây dựng, tổ chức thực thi các công cụ quản lý nhà nước về lao động).

- Có năng lực thực hành tốt kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ thông tin một cách sáng tạo trong lĩnh vực quản trị nhân lực, quản lý lao động.

- Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

2.3. Thái độ

- Có tư tưởng chính trị vững vàng, tự giác phấn đấu theo mục tiêu xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, làm việc theo hiến pháp và pháp luật;

- Có đạo đức nghề nghiệp vị xã hội, nhân bản, nhân văn, ý thức tổ chức kỷ luật lao động và tôn trọng nội quy, quy chế và khả năng thích nghi với môi trường học tập và làm việc; Có ý thức cộng đồng, trách nhiệm công dân;

- Có tác phong chuyên nghiệp, biết lắng nghe, có ý thức hợp tác làm việc; hăng say trong công việc, có tinh thần học hỏi, xây dựng và chia sẻ với tinh thần đồng đội

- Có bản lĩnh, sáng tạo, dám nghĩ dám làm và chịu được áp lực công việc.

- Có ý thức tự học tập, tự đào tạo, cập nhật kiến thức mới, ứng dụng những tiến bộ khoa học vào lĩnh vực quản trị nhân lực trong công việc đảm nhận.

2.4. Yêu cầu về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có năng lực nghiên cứu, đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia, những sáng kiến quan trọng để phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên môn quản trị nhân lực, quản lý lao động;

- Có khả năng thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác phát triển năng lực cá nhân với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao;

- Có năng lực quản lý, đánh giá, cải tiến và quyết định phương hướng phát triển để nâng cao hiệu quả hoạt động nghề nghiệp, chuyên môn.

3. Điều kiện dự tuyển

Người dự tuyển có bằng tốt nghiệp đại học:

- Thuộc ngành đúng: Là thí sinh tốt nghiệp đại học thuộc ngành, chuyên ngành Quản trị nhân lực. Thí sinh tốt nghiệp đại học ngành, chuyên ngành đúng không phải học bổ sung kiến thức;

- Thuộc ngành gần: Là thí sinh tốt nghiệp đại học thuộc các ngành, chuyên ngành cùng nhóm ngành Quản trị - Quản lý (chuyên ngành Khoa học quản lý, Quản lý công, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quan hệ lao động, Quản lý dự án), (Thuộc Danh mục

giáo dục, đào tạo cấp III của Hệ thống giáo dục quốc dân). Thí sinh tốt nghiệp đại học ngành gần phải học 2 học phần để bổ sung kiến thức (bao gồm: 1) Quan hệ lao động (3TC); 2) Trả công lao động (3TC));

- Thuộc các ngành đào tạo khác: Là thí sinh tốt nghiệp đại học không cùng nhóm ngành Quản trị - Quản lý (Thuộc Danh mục giáo dục, đào tạo cấp III của Hệ thống giáo dục quốc dân): Thí sinh thuộc ngành đào tạo khác phải học 5 học phần để bổ sung kiến thức (bao gồm: 3 học phần kiến thức cơ sở ngành: 1) Kinh tế học (3 TC); 4) Quản trị học (3 TC); 5) Nhập môn Tài chính – Tiền tệ (3 TC); 2 học phần kiến thức ngành: 1) Quan hệ lao động (3 TC); 2) Trả công lao động (3 TC)). Đồng thời, phải có tối thiểu 2 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đăng ký dự tuyển.

Người dự tuyển tốt nghiệp ở nước ngoài/ chương trình liên kết quốc tế, Trường sẽ thành lập hội đồng xét công nhận khối lượng chuyển đổi kết quả học tập và các học phần phải học bổ sung.

4. Phương thức tuyển sinh:

Theo đề án tuyển sinh thạc sĩ hiện hành của Trường Đại học Thương mại, cụ thể:

- Thi tuyển: đối với thí sinh là người Việt Nam

- Xét tuyển: đối với thí sinh là người nước ngoài (có quy định riêng).

Các môn thi: 1) Môn cơ bản: Kinh tế học; 2) Môn cơ sở ngành: Quản trị nhân lực căn bản; 3) Môn ngoại ngữ: Tiếng Anh (Theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam). Thí sinh có năng lực Tiếng Anh thuộc một trong các trường hợp sau được miễn thi môn ngoại ngữ:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo bằng tiếng Anh toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

b) Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam, giảng dạy bằng tiếng Anh;

c) Có bằng tốt nghiệp đại học ngành tiếng Anh;

d) Có chứng chỉ tiếng Anh đạt cấp độ 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam trong thời hạn 2 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày thi tuyển sinh, được cấp bởi một cơ sở đào tạo được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoặc công nhận.

5. Điều kiện tốt nghiệp

Người học hoàn thành CTĐT và đáp ứng đủ các điều kiện theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Thương mại.

6. Nội dung chương trình đào tạo

6.1. Khái quát chương trình

Tổng số tín chỉ tích lũy:	60 tín chỉ
Kiến thức chung:	08 tín chỉ
Kiến thức ngành:	14 tín chỉ (BB: 06TC; TC: 06TC; CD thực tế 1: 2TC)
Kiến thức chuyên ngành:	20 tín chỉ (BB: 06TC; TC: 12TC; CD thực tế 2: 2TC)

Báo cáo thực tế: 03 tín chỉ

Luận văn tốt nghiệp: 15 tín chỉ

6.2. Cấu trúc chương trình

STT	Tên học phần	SỐ TC	CẤU TRÚC
1	KIẾN THỨC CHUNG	8	
1	Triết học	4	42,18
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	20,10
3	Thực hành tìm kiếm thông tin trên mạng internet	2	0,30
2	KIẾN THỨC NGÀNH	14	
2.1	Các học phần bắt buộc	6	
1	Quản lý nhà nước về lao động	2	20,10
2	Tiêu chuẩn lao động quốc tế	2	20,10
3	Kinh tế nguồn nhân lực	2	20,10
2.2	Các học phần tự chọn (Chọn 3 trong 6 học phần)	6	
1	Pháp luật lao động	2	20,10
2	Lãnh đạo và quản lý	2	20,10
3	Dân số và phát triển	2	20,10
4	Quản trị vận hành	2	20,10
5	Thương mại và đầu tư quốc tế	2	20,10
6	Quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ trong tổ chức	2	20,10
2.3	Chuyên đề thực tế 1: Hội nhập quốc tế trong lĩnh vực lao động ở Việt Nam	2	0,0,30
3	KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH	20	
3.1	Học phần bắt buộc (3 học phần)	6	
1	Quản trị nhân lực	2	20,10
2	Quan hệ lao động	2	20,10
3	Quản trị thành tích	2	20,10
3.2	Học phần tự chọn (Chọn 6 trong 12 học phần)	12	
1	Quản trị thực hành trách nhiệm xã hội	2	20,10
2	Quản trị công ty	2	20,10
3	Quản trị sự thay đổi	2	20,10
4	Ứng dụng thương mại điện tử trong doanh nghiệp	2	20,10
5	Kiểm soát nội bộ	2	20,10

6	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2	20,10
7	Công nghệ và đổi mới tài chính	2	20,10
8	Thống kê ứng dụng trong kinh tế	2	20,10
9	Truyền thông và PR của doanh nghiệp	2	20,10
10	Quản trị chất lượng ứng dụng trong doanh nghiệp	2	20,10
11	Marketing thương mại trong môi trường số	2	20,10
12	Phân tích định lượng trong quản lý kinh tế	2	20,10
3.3	<i>Chuyên đề thực tế 2: Thực tiễn vận hành quản trị nhân lực và quan hệ lao động tại các doanh nghiệp trong bối cảnh chuyển đổi số</i>	2	0,0,30
4	BÁO CÁO THỰC TẾ	3	
5	LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP	15	
	Tổng số tín chỉ	60	

6.3. Mô tả các học phần trong chương trình đào tạo:

Triết học

Với cách tiếp cận hệ thống, học phần Triết học giúp học viên nắm được những kiến thức triết học cơ bản trong toàn bộ tiến trình lịch sử triết học; củng cố tri thức triết học triết học Mác - Lênin phục vụ cho công việc nghiên cứu thuộc lĩnh vực chuyên môn kinh tế; nâng cao năng lực vận dụng thế giới quan, phương pháp luận của triết học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và việc giải quyết những vấn đề thực tiễn của cuộc sống. Học phần Triết học có 8 chương, trong đó gồm: chương mở đầu nhằm giới thiệu tổng quan về triết học và lịch sử triết học; 3 chương bao quát các nội dung cơ bản thuộc về thế giới quan và phương pháp luận chung của nhận thức và thực tiễn (*chương 2: Bản thể luận, chương 3: Phép biện chứng, chương 4: Nhận thức luận*); 4 chương bao quát các nội dung lý luận triết học về xã hội và con người (*chương 5: Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, chương 6: Triết học chính trị, chương 7: Ý thức xã hội, chương 8: Triết học về con người*).

Phương pháp nghiên cứu khoa học

Học phần cung cấp cho học viên cao học những kiến thức về phương pháp luận nghiên cứu khoa học, trên cơ sở đó học viên có thể phát triển kỹ năng thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học và viết luận văn thạc sĩ trên cả hai góc độ: Phương pháp nghiên cứu khoa học và phương pháp xử lý dữ liệu phục vụ cho việc nghiên cứu nói chung và xử lý dữ liệu phục vụ cho việc thực hiện luận văn thạc sĩ nói riêng. Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học cung cấp các kiến thức, kỹ năng về phương pháp nghiên cứu, cách thức thiết kế và tổng quan nghiên cứu, hiểu được các vấn đề liên quan tới đạo đức trong nghiên cứu, nắm được cách thức chọn mẫu, thu thập dữ liệu thứ cấp và sơ cấp trong nghiên cứu khoa học, cách thức phân tích dữ liệu định tính và định lượng, nắm được cấu trúc, hình thức và văn phong sử dụng trong báo cáo khoa học, cũng như cách thức thuyết trình kết quả báo cáo nghiên cứu khoa học và một số quy định về trình bày báo cáo khoa học.

Thực hành tìm kiếm thông tin trên mạng Internet

Thực hành tìm kiếm thông tin trên mạng Internet nhằm phát triển kỹ năng từ cơ bản đến chuyên sâu về các công cụ và kỹ thuật tìm kiếm thông tin trên mạng Internet phục vụ các hoạt động khác nhau của doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân như: khai thác thông tin thị trường, tìm hiểu nhu cầu của một khu vực thị trường cụ thể, tìm kiếm các đối tác, nhà cung cấp, bạn hàng kinh doanh, tìm kiếm các thông tin phục vụ cho các hoạt động học tập nghiên cứu... một cách chính xác, hiệu quả với sự tiết kiệm tối đa chi phí. Học phần là cơ sở nền tảng giúp học viên cao học tiếp cận và thuận lợi hơn trong nghiên cứu chuyên sâu theo định hướng ứng dụng của các ngành đào tạo thạc sĩ như: Quản trị kinh doanh, Kế toán, Kinh doanh thương mại, Tài chính ngân hàng, Quản lý Kinh tế, Quản trị nhân lực, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.

Quản lý nhà nước về lao động

Quản lý nhà nước về lao động là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản trị nhân lực. Học phần trang bị những nguyên lý cơ bản về quản lý nhà nước về lao động bao gồm các nội dung: Hoạch định chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và chính sách về lao động; Tổ chức quản lý nhà nước về lao động; Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật lao động. Sau khi hoàn thành học phần, người học biết, nắm bắt, vận dụng sáng tạo những kiến thức và kỹ năng cơ bản về hoạt động quản lý nhà nước về lao động, những nội dung, công cụ quản lý nhà nước về lao động theo quy định của pháp luật. Trang bị kiến thức, kỹ năng cơ bản về xây dựng, thực thi, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chiến lược, kế hoạch, quy hoạch, chính sách về lao động ở tầm vĩ mô (quốc gia, ngành, địa phương) theo quy định của luật lao động về các nội dung của quản lý nhà nước về lao động.

Tiêu chuẩn lao động quốc tế

Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản và cập nhật về các tiêu chuẩn lao động quốc tế, đồng thời giúp người học có ý thức tổ chức kỷ luật lao động và tôn trọng nội quy, quy chế và có ý thức cộng đồng, trách nhiệm công dân ... Qua đó giúp người học có năng lực đạt chuẩn đầu ra theo quy định. Tiêu chuẩn lao động quốc tế là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản trị nhân lực. Học phần bao gồm các nội dung sau: Tổng quan về tổ chức lao động quốc tế; Tiêu chuẩn lao động quốc tế (sự cần thiết, quy trình xây dựng, quy trình phê chuẩn; cơ chế giám sát, khuyến trợ) và Tuyên bố 1998 cùng các tiêu chuẩn lao động cơ bản; Tiêu chuẩn lao động trong các Hiệp định thương mại; Tiêu chuẩn lao động trong các định chế quốc tế khác.

Kinh tế nguồn nhân lực

Học phần có vị trí là học phần thuộc bộ chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo hệ thống tín chỉ chuyên ngành Quản trị nhân lực, quản trị kinh doanh, quản lý kinh tế và kinh doanh thương mại. Học phần cung cấp cho người học các kiến thức chuyên sâu về kinh tế nguồn nhân lực. Cụ thể học phần giới thiệu những vấn đề chuyên sâu về kinh tế nguồn nhân lực; Cầu lao động; Cung lao động, cân bằng thị trường lao động; Xây dựng và phát triển thị trường lao động; Đào tạo nhân lực và đầu tư cho đào tạo và phát triển vốn nhân lực; Năng suất lao động và tiền lương đối với người lao động. Học phần có mối quan hệ với học phần kinh tế học vĩ mô trong chương trình đào tạo chuyên ngành quản lý kinh tế, quản trị kinh

doanh và kinh doanh thương mại.

Pháp luật lao động

Là học phần thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản trị nhân lực của Trường đại học Thương mại. Học phần cung cấp những kiến thức chuyên sâu và nâng cao về pháp luật lao động, với tư cách là một công cụ quản lý nhà nước về lĩnh vực lao động trong bối cảnh kinh tế xã hội mới hiện nay. Học phần đi sâu nghiên cứu các qui định của pháp luật điều chỉnh các vấn đề pháp lí về quan hệ lao ở Việt Nam cũng như các quan hệ lao động có yếu tố nước ngoài, tiếp cận với hệ thống pháp luật lao động quốc tế và khu vực. Học phần được nghiên cứu trong mối quan hệ với các học phần khác, hình thành khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo chuyên ngành Quản trị nhân lực.

Lãnh đạo và quản lý

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản và nâng cao về lãnh đạo và quản lý với các nội dung như: tổng quan về lãnh đạo và quản lý; vị trí, vai trò và năng lực của nhà lãnh đạo, nhà quản lý trong tổ chức; các nội dung lãnh đạo và quản lý ở cả góc độ lý luận và thực tế.

Dân số và phát triển

Học phần xem xét mối quan hệ qua lại giữa dân số và phát triển thông qua một số lý thuyết và mô hình được coi là nguyên nhân cũng như hệ quả của việc tăng dân số đối với quá trình phát triển. Học phần cũng phân tích tác động qua lại giữa dân số và kinh tế, giữa dân số với các vấn đề xã hội, giữa dân số với tài nguyên và môi trường. Sau đó sẽ phân tích ảnh hưởng của tăng trưởng dân số đến phát triển bền vững và lựa chọn chính sách điều chỉnh hướng tới phát triển bền vững ở các quốc gia đang phát triển nói chung và Việt Nam nói riêng.

Quản trị vận hành

Quản trị vận hành (operations management) đề cập tới việc thiết kế, thực hiện và cải tiến quá trình vận hành của các doanh nghiệp sản xuất và dịch vụ. Học phần đề cập tới các nội dung nâng cao của quản trị vận hành bao gồm: Tổng quan về quản trị vận hành; Thiết kế sản phẩm, dịch vụ và lựa chọn quy trình vận hành; Bố trí mặt bằng sản xuất và kinh doanh dịch vụ; Lý thuyết xếp hàng trong vận hành quy trình dịch vụ và Ứng dụng 6 sigma và công cụ solver trong quản trị vận hành.

Thương mại và đầu tư quốc tế

Học phần này bao gồm những kiến thức khái quát về hoạt động thương mại và đầu tư quốc tế: vai trò, các hình thức của thương mại và đầu tư quốc tế, các nguyên tắc trong hoạt động thương mại và đầu tư quốc tế, xu hướng phát triển của hoạt động thương mại và đầu tư quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Học phần cũng trang bị cho người học những kiến thức lý luận và thông tin thực tế về những vấn đề luôn có tính thời sự, cần thiết đối với các nhà quản lý và các doanh nghiệp, bao gồm các rào cản trong thương mại quốc tế, các biện pháp phòng vệ thương mại, vấn đề bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong hoạt động thương mại và đầu tư quốc tế, vấn đề tạo thuận lợi thương mại, hiệu quả kinh doanh xuất khẩu và nhập khẩu, thực trạng của các hoạt động đầu tư FDI, ODA trên thế giới và ở Việt Nam.

Quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ trong tổ chức

Học phần nhằm cung cấp cho học viên những kiến thức mở rộng và nâng cao về lý luận và thực tiễn trong quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ của tổ chức. Các nội dung chủ yếu của học phần gồm: Xác lập mô hình và hoạch định chiến lược sở hữu trí tuệ, phát triển nguồn tài sản trí tuệ; kiểm toán, và bảo vệ thực thi quyền sở hữu trí tuệ, tổ chức khai thác các tài sản trí tuệ của tổ chức.

Quản trị nhân lực

Trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng nâng cao về quản trị nhân lực trong các tổ chức/ doanh nghiệp, trau dồi khả năng tư duy, tầm nhìn chiến lược, tính chủ động, khả năng phát huy năng lực cá nhân và quản lý các hoạt động thuộc lĩnh vực quản trị nhân lực. Qua đó giúp người học có năng lực đạt chuẩn đầu ra, có khả năng học tập, nâng cao trình độ và thăng tiến trong công việc. Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo ngành Quản trị nhân lực bậc thạc sĩ. Học phần bao gồm các nội dung cơ bản như: chiến lược nguồn nhân lực, thiết kế và phân tích công việc, sử dụng và phát triển nhân lực, đãi ngộ nhân lực và một số xu hướng quản trị nhân lực hiện đại.

Quan hệ lao động

Trang bị cho người học những kiến thức thực tế và lý thuyết sâu rộng, tiên tiến về quan hệ lao động và kỹ năng đối thoại xã hội, thương lượng, giải quyết tranh chấp lao động, đình công. Học phần còn tạo cơ sở giúp người học rèn luyện kỹ năng xây dựng và duy trì được quan hệ lao động lành mạnh trên cơ sở chủ động đối thoại; giải quyết tranh chấp lao động trên nguyên tắc tôn trọng, hợp tác, thương lượng, tự định đoạt. Học phần Quan hệ lao động thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản trị nhân lực. Học phần bao gồm các nội dung sau: Tổng quan về quan hệ lao động, quan hệ lao động lành mạnh; Quản lý nhà nước về quan hệ lao động; Kiến thức và kỹ thuật nhận diện, thực hành và giải quyết: đối thoại xã hội trong quan hệ lao động, thương lượng trong quan hệ lao động, tranh chấp lao động và đình công.

Quản trị thành tích

Trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản trị thành tích của các bộ phận và cá nhân trong các tổ chức, doanh nghiệp. Thông qua học phần, người học sẽ được trang bị các kiến thức chuyên sâu về hoạt động quản trị thành tích trong các tổ chức, doanh nghiệp; hình thành và rèn luyện các kỹ năng liên quan đến quản trị thành tích cũng như trau dồi khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, khả năng phân tích, phản biện, tư duy sáng tạo. Qua đó giúp người học có năng lực đạt chuẩn đầu ra, có khả năng học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp. Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo ngành Quản trị nhân lực bậc thạc sĩ. Học phần bao gồm các nội dung cơ bản như: khái quát về quản trị thành tích, quy trình xây dựng hệ thống quản trị thành tích; các công cụ cơ bản trong triển khai quản trị thành tích như: BSC và KPI, OKR, ứng dụng khung năng lực trong quản trị thành tích; truyền thông, đào tạo và mô hình DEFT trong quản trị thành tích.

Quản trị thực hành trách nhiệm xã hội

Trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản trị thực hành trách nhiệm xã hội trong các tổ chức, doanh nghiệp. Thông qua học phần, người học sẽ được trang bị các kiến thức chuyên sâu về hoạt động quản trị thực hành trách nhiệm xã hội trong các tổ

chức, doanh nghiệp; hình thành và rèn luyện các kỹ năng liên quan đến quản trị thực hành trách nhiệm xã hội cũng như trau dồi khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, khả năng phân tích, phân biện, tư duy sáng tạo. Qua đó giúp người học có năng lực đạt chuẩn đầu ra, có khả năng học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp. Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo ngành Quản trị nhân lực bậc thạc sỹ. Học phần bao gồm các nội dung cơ bản như: tổng quan về thực hiện trách nhiệm xã hội, hoạch định thực hành trách nhiệm xã hội, tổ chức triển khai thực hành trách nhiệm xã hội, đánh giá, cải tiến thực hành trách nhiệm xã hội, truyền thông và công bố thực hiện trong quản trị thực hành trách nhiệm xã hội.

Quản trị công ty

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng nâng cao và cập nhật về quản trị công ty và quy trình hoạch định hệ thống quản trị công ty của doanh nghiệp trên cơ sở nhận diện các yếu tố ảnh hưởng, luận giải, đánh giá, so sánh và vận dụng sáng tạo đa dạng các lý thuyết cũng như các mô hình, nguyên tắc, thông lệ trong quản trị công ty khác nhau trên thế giới. Người học cũng được trang bị các kiến thức và kỹ năng để kiểm soát điều hành và đánh giá thực lực quản trị cũng như uy tín và như triển vọng của các công ty. Trên cơ sở đó, người học có thể vận dụng sáng tạo vào việc thiết lập hệ thống quản trị công ty trong thực tiễn quản trị doanh nghiệp phát huy tối đa mạng giá trị, tạo ra sự minh bạch tin cậy đồng thời quy tụ sức mạnh của các bên bao gồm cả Hội đồng quản trị, ban giám đốc, cổ đông, nhà đầu tư, người lao động và các bên có liên quan khác.

Quản trị sự thay đổi

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản và nâng cao về quản trị sự thay đổi với các nội dung như: các hình thức và mức độ của sự thay đổi, bản chất và sự cần thiết của quản trị sự thay đổi, nội dung quản trị sự thay đổi, vượt rào cản trong quản trị sự thay đổi.

Ứng dụng thương mại điện tử trong doanh nghiệp

Thông qua nội dung của học phần, học viên cao học có được một kiến thức tổng hợp về ứng dụng thương mại điện tử trong doanh nghiệp thuộc các ngành và lĩnh vực kinh doanh khác nhau, góp phần tạo nên một tư duy và một tầm nhìn rộng mở hơn đối với quản trị các hoạt động kinh doanh thương mại trong bối cảnh các doanh nghiệp trong nước và trên thế giới triển khai ứng dụng rộng rãi các thành tựu của công nghệ thông tin - truyền thông và tăng cường hội nhập kinh tế quốc tế.

Kiểm soát nội bộ

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản và hiện đại về kiểm soát nội bộ trên các nội dung chủ yếu: Tổng quan về KSNB, vai trò của KSNB trong bối cảnh gia tăng rủi ro từ môi trường kinh doanh và rủi ro trong nội bộ tổ chức; mối quan hệ giữa KSNB với quản trị công ty; các khuôn mẫu KSNB phổ biến trên thế giới: theo khuôn mẫu COSO, COBIT (USA), COCO (Canada).... và vận dụng nguyên lý chung để thiết kế quy trình, thủ tục KSNB đối với một số chu trình chủ yếu trong đơn vị.

Đổi mới, sáng tạo và khởi nghiệp

Học phần trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng về đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp cũng như các kiến thức và kỹ năng để khởi nghiệp sáng tạo trong bối cảnh của Việt Nam. Học phần bao gồm 5 nội dung chính như sau: Tổng quan về đổi mới, sáng tạo;

Tổng quan về khởi nghiệp sáng tạo; Ý tưởng khởi nghiệp sáng tạo; Mô hình khởi nghiệp sáng tạo; và Các nguồn tài chính cho khởi nghiệp sáng tạo.

Công nghệ và đổi mới tài chính

Học phần Fintech và đổi mới tài chính nhằm trang bị cho học viên cao học những kiến thức về FINTECH, kỹ năng ra quyết định, phân tích và đánh giá các lựa chọn đổi mới tài chính liên quan tới FINTECH, giúp người học có khả năng giải quyết các tình huống ứng dụng công nghệ trong tài chính. Nội dung của học phần Công nghệ và đổi mới tài chính bao gồm các chủ đề chính: Tổng quan về FINTECH; Các giải pháp ứng dụng công nghệ của doanh nghiệp FINTECH; Tài trợ và đầu tư với FINTECH; Đổi mới tài chính với FINTECH.

Thống kê ứng dụng trong kinh tế

Học phần nhằm trang bị cho người học các kiến thức, kỹ năng cơ bản và hiện đại về ứng dụng thống kê trong kinh tế và kinh doanh. Sau khi hoàn thành chương trình, người học có thể thực hiện thành thạo việc thu thập, tổng hợp và phân tích thông tin thống kê phục vụ cho công tác quản lý và hoạt động tác nghiệp thường xuyên.

Truyền thông và PR của doanh nghiệp

Là học phần tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo thạc sĩ của các chuyên ngành Kinh doanh thương mại và Marketing thương mại. Học phần cung cấp các kiến thức và các kỹ năng trong xây dựng, triển khai thực hiện các kế hoạch và đánh giá hoạt động truyền thông và PR của doanh nghiệp hỗ trợ đắc lực và đóng góp tốt nhất vào kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh hiện đại.

Quản trị chất lượng ứng dụng trong doanh nghiệp

Học phần trang bị cho người học những thay đổi về nhận thức và các cách tiếp cận mới về chất lượng và quản trị chất lượng của doanh nghiệp trong kinh doanh hiện đại; Giúp người học có khả năng ứng dụng các phương pháp và công cụ phù hợp để quản trị chất lượng trong doanh nghiệp theo từng khía cạnh liên quan đến quản trị chất lượng sản phẩm và dịch vụ của doanh nghiệp; Quản trị chất lượng các quá trình và hoạt động tác nghiệp; Quản trị chất lượng các yếu tố tổ chức như thông tin, nhân lực, mối quan hệ nhà cung cấp và khách hàng, môi trường nội bộ và văn hóa doanh nghiệp; Quản trị chất lượng chuỗi cung ứng của doanh nghiệp. Từ đó, giúp người học có thái độ và nhận thức đúng đắn về chất lượng, có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để quản lý và đảm bảo chất lượng các hoạt động tác nghiệp của cá nhân cũng như các yếu tố tổ chức của doanh nghiệp, phù hợp với bối cảnh kinh doanh hiện đại, hướng tới các mục tiêu phát triển bền vững và khả năng thích ứng cao với những thay đổi trong xu hướng môi trường kinh doanh mới.

Marketing thương mại trong môi trường số

Là học phần bắt buộc thuộc nhóm học phần chuyên ngành của chương trình cao học chuyên ngành marketing thương mại. Học phần cung cấp các kiến thức và kỹ năng phân tích marketing, hoạch định chiến lược marketing và triển khai các quyết định và ứng xử tác nghiệp marketing mix theo cách tiếp cận chuỗi giá trị trong môi trường số ở các doanh nghiệp kinh doanh thương mại.

Phân tích định lượng trong quản lý kinh tế

Môn học cung cấp cơ sở kiến thức của lý thuyết ra quyết định và cung cấp các ý tưởng về định lượng phương pháp trong quản lý. Học phần còn cung cấp cho học viên những kỹ

năng giải quyết một số bài toán thực tế bằng các phương pháp định lượng như quy hoạch, quy hoạch, quy hoạch đa mục tiêu và bài toán sơ đồ mạng lưới và sử dụng chúng để đưa ra các quyết định trong quản lý.

7. Kế hoạch đào tạo

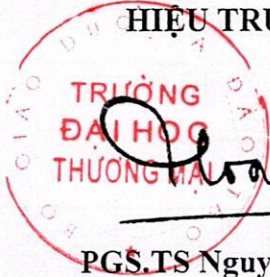
STT	Kỳ học (số TC)	Khối kiến thức, học phần đào tạo	Giảng viên/chuyên ngành
1	Kì thứ nhất (6TC)	- Khối kiến thức chung (6TC)	
		+ Triết học (4TC)	1. TS. Tạ Thị Vân Hà 2. PGS.TS Phương Kỳ Sơn 3. TS. Đặng Minh Tiến 4. TS. Hồ Công Đức
		+ Phương pháp nghiên cứu khoa học (2TC)	1. TS Lê Tiến Đạt 2. TS. Phạm Thị Minh Uyên
2	Kì thứ hai (18TC)	- Khối kiến thức chung (2TC)	
		+ Thực hành tìm kiếm thông tin trên mạng internet (2TC)	1. TS. Nguyễn Trần Hưng 2. TS. Lê Xuân Cù
		- Kiến thức ngành (14TC)	
		+ Quản lý nhà nước về lao động (2TC)	1. PGS.TS Phạm Công Đoàn/Quản lý kinh tế 2. PGS.TS Bùi Hữu Đức/Quản trị kinh doanh
		+ Tiêu chuẩn lao động quốc tế (2TC)	1. PGS.TS Nguyễn Thị Minh Nhân/Quản trị nhân lực 2. TS. Nguyễn Thị Liên/Thương mại
		+ Kinh tế nguồn nhân lực (2TC)	1. PGS.TS Phạm Công Đoàn/Quản lý kinh tế 2. TS. Đinh Thị Hương/Thương mại
		+ 3 học phần tự chọn thuộc khối kiến thức ngành (6TC) - Chọn 3 trong 6 học phần sau:	
		+ Pháp luật lao động (2TC)	1. TS. Đinh Thị Thanh Thủy 2. TS. Trần Thành Thọ
		+ Lãnh đạo và quản lý (2TC)	1. GS.TS Phạm Vũ Luận 2. TS. Trần Thị Hoàng Hà 3. TS. Nguyễn Thị Thanh Nhân 4. TS. Nguyễn Thanh Hải 5. TS. Phạm Trung Tiến 6. TS. Dương Thị Thúy Nương 7. PGS.TS Nguyễn Thị Bích Loan 8. PGS.TS Bùi Hữu Đức

		+ Dân số và phát triển (2TC)	1. PGS.TS. Phan Thế Công 2. TS. Trần Việt Thảo
		+ Quản trị vận hành (2TC)	1. TS. Trần Văn Trang 2. TS. Lã Tiến Dũng 3. TS. Vũ Thị Như Quỳnh 4. PGS. TS. Trần Kiều Trang
		+ Thương mại và đầu tư quốc tế (2TC)	1. PGS.TS. Doãn Kế Bôn 2. TS. Lê Thị Việt Nga 3. TS. Nguyễn Bích Thủy/Quản lý kinh tế
		+ Quản lý sở hữu trí tuệ (2TC)	1. PGS.TS Nguyễn Quốc Thịnh 2. TS. Khúc Đại Long 3. TS. Nguyễn Thu Hương
		+ Chuyên đề thực tế 1 (2TC): Hội nhập quốc tế trong lĩnh vực lao động tại Việt Nam	Chuyên gia thực tế
		<i>- Kiến thức chuyên ngành (2TC)</i>	
		+ Quản trị nhân lực (2TC)	1. PGS.TS Mai Thanh Lan/ Quản trị nhân lực 2. TS. Nguyễn Thị Liên/Thương mại
		<i>- Phần còn lại của kiến thức chuyên ngành (18TC)</i>	
		+ Quan hệ lao động (2TC)	1. PGS.TS Nguyễn Thị Minh Nhân/Quản trị nhân lực 2. PGS.TS Mai Thanh Lan/ Quản trị nhân lực
		+ Quản trị thành tích	1. PGS.TS Mai Thanh Lan/ Quản trị nhân lực 2. PGS.TS Phạm Công Đoàn/Quản lý kinh tế 3. TS. Trịnh Minh Đức
		+ 06 học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành (12TC) - Chọn 06 học phần trong 12 học phần sau:	
		+ Quản trị thực hành trách nhiệm xã hội (2TC)	1. PGS.TS Nguyễn Thị Minh Nhân/Quản trị nhân lực 2. PGS.TS Nguyễn Thị Bích Loan/Kinh tế 3. TS. Đinh Thị Hương/Thương mại
		+ Quản trị công ty (2TC)	1. TS. Đỗ Thị Bình 2. TS. Nguyễn Thị Uyên 3. TS. Nguyễn Thị Mỹ Nguyệt
		+ Quản trị sự thay đổi (2TC)	1. GS.TS Phạm Vũ Luận 2. TS. Trần Thị Hoàng Hà 3. TS. Nguyễn Thị Thanh Nhân
3	Kì thứ ba (21TC)		

		4. TS. Nguyễn Thanh Hải 5. TS. Phạm Trung Tiến 6. TS. Dương Thị Thúy Nương 7. PGS.TS Nguyễn Thị Bích Loan 8. PGS.TS Bùi Hữu Đức
	+ Ứng dụng TMĐT trong doanh nghiệp (2TC)	1. TS. Chử Bá Quyết 2. PGS,TS. Nguyễn Văn Minh (I) 3. TS. Trần Hoài Nam 4. TS. Nguyễn Trần Hưng
	+ Kiểm soát nội bộ (2TC)	1. PGS.TS Phạm Đức Hiếu 2. TS. Nguyễn Thị Hồng Lam 3. TS. Lại Thu Thủy
	+ Đổi mới, sáng tạo và khởi nghiệp (2TC)	1. TS. Trần Văn Trang 2. TS. Lã Tiến Dũng 3. TS. Vũ Thị Như Quỳnh
	+ Công nghệ và đổi mới tài chính (2TC)	1. TS Phạm Tuấn Anh 2. TS. Vũ Xuân Thủy
	+ Thống kê ứng dụng trong kinh tế (2TC)	1. TS. Đặng Văn Lương 2. TS. Trần Ngọc Trang 3. TS. Nguyễn Thị Thu Hương 4. TS. Nguyễn Văn Giao
	+ Truyền thông và PR của doanh nghiệp (2TC)	1. PGS.TS Phan Thị Thu Hoài 2. PGS.TS Nguyễn Tiến Dũng
	+ Quản trị chất lượng ứng dụng trong doanh nghiệp (2TC)	1. TS. Đặng Thu Hương 2. TS. Nguyễn Hóa 3. PGS.TS Đỗ Thị Ngọc
	+ Marketing thương mại trong môi trường số (2TC)	1. PGS,TS. Phan Thị Thu Hoài 2. PGS,TS. Cao Tuấn Khanh 3. PGS,TS. Nguyễn Tiến Dũng 4. PGS,TS. Nguyễn Hoàng Long
	+ Phân tích định lượng trong quản lý kinh tế (2TC)	1. TS. Phan Thanh Tùng 2. TS. Trịnh Thị Hường 3. TS. Nguyễn Thị Tuyết Mai 4. TS. Vũ Thị Thu Hương
	- Chuyên đề thực tế 2 (2TC): <i>Thực tiễn vận hành quản trị nhân</i>	Chuyên gia thực tế

		<i>lực và quan hệ lao động tại các doanh nghiệp trong bối cảnh chuyển đổi số</i>	
		<i>- Báo cáo thực tế (3TC)</i>	
4	Kì thứ tư (15TC)	<i>Luận văn tốt nghiệp (15TC)</i>	

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Nguyễn Hoàng

TRƯỞNG KHOA

PGS.TS Nguyễn Thị Minh Nhân